

Số: **150** /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày **21** tháng **7** năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; được sự nhất trí của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 540-TB/TU ngày 22/6/2021; Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 233-KL/TU ngày 25/6/2021 và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 286/HĐND-VP ngày 20/7/2021; sau khi xem xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2896/TTr-STC ngày 20/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở báo cáo của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị các huyện, thành phố, thị xã về vướng mắc trong quá trình triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và xuất phát từ tình hình thực tiễn tại địa phương.

Tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định như sau: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”.

Để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức triển khai thực hiện một số nội dung chi đảm bảo chặt chẽ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, việc ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm tạo cơ sở thống nhất cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan áp dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Ngày 19/6/2021, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 405-CV/BCSD về việc xin ý kiến về chủ trương quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 22/6/2021, Thường trực Tỉnh ủy đã có Thông báo số 540-TB/TU về chủ trương quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 23/6/2021, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 431CV/BCSD về việc xin ý kiến về chủ trương quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 25/6/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 233-KL/TU về chủ trương quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 16/7/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 111/TTr-UBND về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Ngày 20/7/2020, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Công văn số 286/HĐND-VP về việc xây dựng Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

- Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng theo đúng quy định, đã gửi các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và đăng tải trên cổng thông tin của tỉnh để lấy ý kiến tham gia. Trên cơ sở các nội dung góp ý, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 288/BC-STP ngày 21/6/2021; Sở Tài chính đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và có Tờ trình số số 2896/TTr-STC ngày 20/7/2021 trình Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 2 Điều, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

2.1.1. Chi đào tạo cán bộ, công chức

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung

- Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

- Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

b) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

Mức chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

2.1.2. Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giáo sư; tiến sỹ khoa học; chuyên gia cao cấp: Mức chi tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc bộ, ban, ngành Trung ương; phó giáo sư; giảng viên cao cấp: Mức chi tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; tiến sỹ; giảng viên chính: Mức chi tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy: Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã; Trưởng, phó phòng các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện: Mức chi tối đa 800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi thù lao cao nhất. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với các nhóm giảng viên, báo cáo viên đã được quy định cụ thể nêu trên được hưởng mức chi thù lao tương ứng.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tuỳ theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chi dịch thuật

Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

đ) Chi nước uống phục vụ lớp học

Thực hiện theo mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

- Mức chi hỗ trợ một phần tiền ăn:

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao.

h) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ, công chức

- Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức của tỉnh Thái Nguyên; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

2.3. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: KHÔNG

(Có Dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan gửi kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, kỳ họp thứ 2 xem xét quyết nghị./ *lưu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

Namph/TTr.T7/20b

Tam

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Xuân Trường

Phụ lục

**THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: 150 / TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
I	Chi hỗ trợ tiền ăn	Đơn vị quyết định không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Đơn vị tự quyết định căn cứ nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị: vận dụng mức chi theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính (đã bị bãi bỏ bởi Thông tư 36/2018/TT-BTC) và Hướng dẫn 513 Liên ngành Sở Tài chính - Ban Tổ chức Tỉnh ủy- Sở Nội vụ năm 2011	Đề xuất tăng 80% theo mức tăng của lương cơ sở từ năm 2011 đến 2021 (từ 830.000 đồng lên 1.490.000 đồng), dự thảo quy định mức tối đa, mức cụ thể do đơn vị tự quyết định căn cứ nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị
1	Cấp tỉnh		150.000 đồng/người/ngày	40.000 đồng/người/ngày	Tối đa 70.000 đồng/người/ngày
2	Cấp huyện		150.000 đồng/người/ngày	30.000 đồng/người/ngày	Tối đa 50.000 đồng/người/ngày
II	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập	Quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính: Theo số thực tế cước vé xe, tàu xe		Áp dụng quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh: Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe	Áp dụng quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh: Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe
III	Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo	Quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng bằng mức chi quy định tại khoản 3 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (Đơn vị thực hiện hỗ trợ tùy thuộc nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị)	Áp dụng bằng mức chi quy định tại khoản 3 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (Đơn vị thực hiện hỗ trợ tùy thuộc nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị)

[Signature]

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
1	Thanh toán theo hình thức khoán		450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
2	Thanh toán theo hóa đơn thực tế		1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
IV	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính		Đơn vị tổ chức lớp học quyết định mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên không vượt quá mức chi tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính (tối đa 2.000.000 đồng)	Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, đề nghị 7 mức chi thù lao giảm dần 100%, 80%, 70%, 60%, 50%, 40%, 25% của mức chi thù lao tối đa (2.000.000 đồng) quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC
1	Mức chi		2.000.000 đồng/người/buổi	300.000 đồng/người/buổi - 2.000.000 đồng/người/buổi	Tối đa từ 500.000 đồng/người/buổi - 2.000.000 đồng/người/buổi
V	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (mức chi cụ thể do đơn vị tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng quyết định)	Áp dụng mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (mức chi cụ thể do đơn vị tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng quyết định)
1	Mức chi		200.000 đồng/người/ngày	Tối đa 200.000 đồng/người/ngày	Tối đa 200.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
VI	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên	Quy định tại Điều 5, Điều 7 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, khoản 3 Phụ lục II Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)	Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, khoản 3 Phụ lục II Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)
1	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập	Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe		Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe	Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe
2	Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo				
-	Thanh toán theo hình thức khoán		450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
-	Thanh toán theo hóa đơn thực tế		1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
VII	Chi dịch thuật	Quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính		Hiện nay chưa phát sinh khoản chi phí này	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh
1	Biên dịch				



STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
-	Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt		150.000 đồng/trang (350 từ)		Tối đa 130.000 đồng/trang (350 từ)
-	Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc		180.000 đồng/trang (350 từ)		Tối đa 160.000 đồng/trang (350 từ)
2	Dịch nói		250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng		Tối đa 220.000 đồng/giờ/người, tương đương 1.760.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng
VIII	Chi nước uống phục vụ lớp học	Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)	Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)
1	Chi nước uống phục vụ lớp học		20.000 đồng/người/buổi	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 20.000 đồng/người/buổi	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 20.000 đồng/người/buổi
IX	Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế	Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao		Thủ trưởng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao	Thủ trưởng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao

Dam

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
1	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế		Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế
2	Hỗ trợ một phần tiền ăn		200.000 đồng/người/ngày	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 200.000 đồng/người/ngày	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 200.000 đồng/người/ngày
3	Tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế				
-	Thanh toán theo hình thức khoán		450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
-	Thanh toán theo hóa đơn thực tế		1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
X	Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ công chức				
1	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Thực hiện theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh



STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
2	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh	Áp dụng mức chi điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra		30.000.000 đồng	Tối đa 7.000.000 đồng	Tối đa 7.000.000 đồng
-	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra		10.000.000 đồng	Tối đa 5.000.000 đồng	Tối đa 5.000.000 đồng
-	Chi xử lý kết quả Điều tra		7% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu	5% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu	5% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu
-	Chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra		Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra	Tính bằng 70% mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra	Tính bằng 70% mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra



Số: /2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO LẦN 4

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 đã mở lớp nhưng chưa kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

MỘT SỐ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND

ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo Đề án/Dự án về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/Dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện); Công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố;

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Dưới đây các đối tượng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này gọi chung là cán bộ, công chức; các đối tượng tại điểm d khoản 2 Điều này gọi chung là viên chức.

Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

1. Chi đào tạo cán bộ, công chức

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung

- Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

- Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

b) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

Mức chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

2. Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh uỷ: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giáo sư; tiến sỹ khoa học; chuyên gia cao cấp: Mức chi tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc bộ, ban, ngành Trung ương; phó giáo sư; giảng viên cao cấp: Mức chi tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư huyện uỷ, thành uỷ, thị uỷ; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; tiến sỹ; giảng viên chính: Mức chi tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ huyện uỷ, thành uỷ, thị uỷ: Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã; Trưởng, phó phòng các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện: Mức chi tối đa 800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi thù lao cao nhất. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với các nhóm giảng viên, báo cáo viên đã được quy định cụ thể nêu trên được hưởng mức chi thù lao tương ứng.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tuỳ theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chi dịch thuật

Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

đ) Chi nước uống phục vụ lớp học

Thực hiện theo mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

- Mức chi hỗ trợ một phần tiền ăn:

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao.

h) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ, công chức

- Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị quyết này; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

TỜ TRÌNH

**Về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công
chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ
Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

Thực hiện Thông báo số 540-TB/TU ngày 22/6/2021 của Thường trực Tỉnh
ủy và ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 233-KL/TU ngày
25/6/2021.

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại Thông báo
số 111/TB-HĐND ngày 19/7/2021 về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ
2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Tài chính trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
tỉnh ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trên cơ sở báo cáo của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm
Bồi dưỡng Chính trị các huyện, thành phố, thị xã về vướng mắc trong quá trình
triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và xuất phát
từ tình hình thực tiễn tại địa phương.

Tại Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ
Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định

nhu sau: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”.

Để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức triển khai thực hiện một số nội dung chi được chặt chẽ, thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích:

Việc xây dựng ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở thống nhất cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan áp dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Tài chính đã có Công văn số 2041/STC-QLNS ngày 28/5/2021 báo cáo UBND tỉnh đăng ký nội dung trình HĐND tỉnh (dự kiến tháng 7/2021);

Sở Tài chính đã có Tờ trình số 2140/TTr-STC ngày 4/6/2021 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Công văn số 2168/STC-HCSN ngày 04/6/2021 và đề nghị Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải thông tin dự thảo tại Công văn số 2167/STC-HCSN ngày 04/6/2021.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, Sở Tài chính đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết và gửi xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2217/STC-HCSN ngày 9/6/2021.

Căn cứ Báo cáo số 288/BC-STP ngày 21/6/2021 thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên đã được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. **Bố cục:** Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều và 1 Quy định kèm theo, cụ thể:


Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. **Nội dung cơ bản**

(Có dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết và tài liệu thuyết minh kèm theo)

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Thái Nguyên kính trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Các đ/c LĐ Sở;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

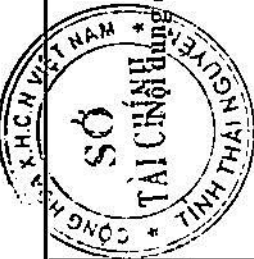


Vũ Thị Anh Dung

Phụ lục

THUYẾT MINH CHI TIẾT CÁC MỨC CHI TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Tờ trình số: 2896 /Tr-STC ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Sở Tài chính Thái Nguyên)



ĐVT: Đồng

STT	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)	Mức chi đang áp dụng		Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa	
I	Chi hỗ trợ tiền ăn	Đơn vị quyết định không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính	Đơn vị tự quyết định căn cứ nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị; vận dụng mức chi theo Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính (đã bị bãi bỏ bởi Thông tư 36/2018/TT-BTC) và Hướng dẫn 513 Liên ngành Sở Tài chính - Ban Tổ chức Tỉnh ủy- Sở Nội vụ năm 2011	Đề xuất tăng 80% theo mức tăng của lương cơ sở từ năm 2011 đến 2021 (từ 830.000 đồng lên 1.490.000 đồng), dự thảo quy định mức tối đa, mức cụ thể do đơn vị tự quyết định căn cứ nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị
I	Cấp tỉnh	-	40.000 đồng/người/ngày	Tối đa 70.000 đồng/người/ngày
2	Cấp huyện	-	30.000 đồng/người/ngày	Tối đa 50.000 đồng/người/ngày
II	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập	Áp dụng mức chi quy định tại Điều 5, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, hội nghị; Theo số thực tế cước vé xe, tàu xe	Áp dụng quy định tại khoản 1, mục I, phụ lục II, Nghị quyết 11/2017/HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên; Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe	Áp dụng quy định tại khoản 1, mục I, phụ lục II, Nghị quyết 11/2017/HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên; Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe

10/7

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
III	Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCCC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo	Áp dụng mức chi quy định tại Điều 7, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng bảng mức chi quy định tại khoản 3, mục 1 phụ lục II Nghị quyết 11/2017/HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên (Đơn vị thực hiện hỗ trợ tùy thuộc nguồn chi thường xuyên và nguồn khác của đơn vị)	
1	Thanh toán theo hình thức khoán	-	450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	
2	Thanh toán theo hóa đơn thực tế	-	1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	
IV	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên	Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính		Đơn vị tổ chức lớp học quyết định mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên không vượt quá mức chi tại Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính (tối đa 2.000.000 đồng)	Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Đơn vị soạn thảo đề xuất 7 mức chi thù lao giảm dần 100%, 80%, 70%, 60%, 50%, 40%, 25% của mức chi thù lao tối đa (2.000.000 đồng) quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC
1	Mức chi	-	2.000.000 đồng/người/buổi	300.000 đồng/người/buổi - 2.000.000 đồng/người/buổi	Tối đa từ 500.000 đồng/người/buổi - 2.000.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
V	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, Điều 6, Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại khoản 2, mục I, phụ lục II, Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (mức chi cụ thể do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi đảo tạo, bồi dưỡng quyết định)	
I	Mức chi		200.000 đồng/người/ngày	tối đa 200.000 đồng/người/ngày	tối đa 200.000 đồng/người/ngày
VI	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên	Áp dụng mức chi quy định tại Điều 5, Điều 7 của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, 3 phụ lục II, Nghị quyết 11/2017/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)	Áp dụng bằng mức chi quy định tại khoản 1, 3 phụ lục II, Nghị quyết 11/2017/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)
1	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập	Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe		Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe	Thanh toán theo số thực tế cước vé xe, tàu xe
2	Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đảo tạo				
-	Thanh toán theo hình thức khoán		450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đảo tạo, bồi dưỡng	tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đảo tạo, bồi dưỡng	tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đảo tạo, bồi dưỡng

117

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
-	Thanh toán theo hóa đơn thực tế	-	1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đảo tạo, bồi dưỡng	tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đảo tạo, bồi dưỡng	
VII	Chi dịch thuật	Quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		Hiện nay chưa phát sinh khoản chi phí này	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
1	Biên dịch				
-	Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt		150.000 đồng/trang (350 từ)		tối đa 130.000 đồng/trang (350 từ)
-	Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc		180.000 đồng/trang (350 từ)		tối đa 160.000 đồng/trang (350 từ)
2	Dịch nói		250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng		tối đa 220.000 đồng/giờ/người, tương đương 1.760.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
VIII	Chi nước uống phục vụ lớp học	Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại khoản 3, mục II, phụ lục II, Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)	Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại khoản 3, mục II, phụ lục II, Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (do đơn vị tự quyết định căn cứ vào phạm vi dự toán được phân bổ)
I	Chi nước uống phục vụ lớp học		20.000 đồng/người/buổi	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 20.000 đồng/người/buổi	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 20.000 đồng/người/buổi
IX	Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế	Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao		Tùy thuộc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao	Tùy thuộc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao
1	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế		Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế
2	Hỗ trợ một phần tiền ăn,	200.000 đồng/người/ngày		Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 200.000 đồng/người/ngày	Tùy thuộc khả năng cân đối kinh phí của đơn vị, tối đa 200.000 đồng/người/ngày
3	Tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế				

127

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
-	Thanh toán theo hình thức khoán	-	450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	tối đa 450.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
-	Thanh toán theo hóa đơn thực tế	-	1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng	tối đa 1.000.000 đồng/người/ngày tùy thuộc địa bàn nơi đào tạo, bồi dưỡng
X	Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ công chức				
1	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
2	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính		Áp dụng mức chi điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh	Áp dụng mức chi điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ- HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra		30.000.000 đồng	Tối đa 7.000.000 đồng	Tối đa 7.000.000 đồng
-	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra		10.000.000 đồng	Tối đa 5.000.000 đồng	Tối đa 5.000.000 đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi quy định hiện hành (theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính)		Mức chi đang áp dụng	Mức chi đề xuất
		Mức tối thiểu	Mức tối đa		
-	Chi xử lý kết quả Điều tra		7% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu	5% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu	5% tiền công chi trả Điều tra viên thống kê thu thập số liệu
-	Chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra		Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời Điểm tiến hành Điều tra	tính bằng 70% mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời Điểm tiến hành Điều tra	tính bằng 70% mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời Điểm tiến hành Điều tra

*Ghi chú:

- Ngày 28/4/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Tại khoản 3, Điều 14 Thông tư quy định nhân dân tính quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.
- Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.
- Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.
- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.
- Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.
- Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021



NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 đã mở lớp nhưng chưa kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

**MỘT SỐ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND

ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo Đề án/Dự án về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/Dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện); Công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố;

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Dưới đây các đối tượng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này gọi chung là cán bộ, công chức (CBCC); các đối tượng tại điểm d khoản 2 Điều này gọi chung là viên chức.

Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

1. Chi đào tạo cán bộ, công chức

a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung

+ Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

+ Học viên học tại các lớp đào tạo do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

b) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho CBCC trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

Mức chi hỗ trợ không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi bảo đảm cho công tác cải cách hành chính nhà nước; mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên và mức chi, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

2. Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giáo sư; tiến sĩ khoa học; chuyên gia cao cấp: Mức chi tối đa 1.600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc bộ, ban, ngành Trung ương; phó giáo sư; giảng viên cao cấp: Mức chi tối đa 1.400.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; tiến sĩ; giảng viên chính: Mức chi tối đa 1.200.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành

phố, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy: Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, thị xã; Trưởng, phó phòng các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện: Mức chi tối đa 800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi thù lao cao nhất. Đối với các giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với các nhóm giảng viên, báo cáo viên đã được quy định cụ thể nêu trên được hưởng mức chi thù lao tương ứng.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

Tuỳ theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng CBCC quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

d) Chi dịch thuật

Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

đ) Chi nước uống phục vụ lớp học

Thực hiện theo mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập

trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)

- Mức chi hỗ trợ một phần tiền ăn:

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi tối đa 70.000 đồng/người/ngày.

+ Học viên học tại các lớp bồi dưỡng do cấp huyện tổ chức: Mức chi tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ chi phí đi lại và hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

f) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao.

g) Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ công chức

- Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện mức chi quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,

viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị quyết này; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2897 /STC-HCSN

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2021

V/v tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên.

Thực hiện Thông báo số 540-TB/TU ngày 22/6/2021 của Thường trực Tỉnh ủy và ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 233-KL/TU ngày 25/6/2021.

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại Thông báo số 111/TB-HĐND ngày 19/7/2021 về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Tài chính Thái Nguyên đã dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.

Theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã có Tờ trình số 2140/TTr-STC ngày 4/6/2021 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Công văn số 2168/STC-HCSN ngày 04/6/2021 và đề nghị Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải thông tin dự thảo tại Công văn số 2167/STC-HCSN ngày 04/6/2021.

Sau khi nhận được ý kiến đóng góp của các đơn vị và Báo cáo số 288/BC-STP ngày 21/6/2021 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sở Tài chính báo cáo việc tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về nội dung dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Nội dung tham gia ý kiến của các Sở ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

(Có phụ lục kèm theo)

II. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

1. Căn cứ ban hành

- Không cần thiết sử dụng Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020. Lý do: Với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo và xác định về thẩm quyền ban hành văn bản của Ủy ban ban nhân dân tỉnh.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương không có các nội dung liên quan trực tiếp đến nội dung của văn bản, do đó việc sử dụng văn bản này tại phần căn cứ là không phù hợp. Đề nghị nghiên cứu lược bỏ.

** Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính:*

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

2. Nội dung cụ thể

a) Đề nghị dự thảo nghiên cứu lược bỏ khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo Quyết định: *“Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”* để đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL: *“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”*. Về nguyên tắc xây dựng văn bản pháp luật, nội dung này không cần thiết và không có giá trị về hiệu lực pháp luật.

** Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính:*

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

b) Về mức chi nước uống phục vụ lớp học (điểm a khoản 2 Điều 2)

Mức chi nước uống phục vụ lớp học, dự thảo viện dẫn tới Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND chỉ quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Khoản 3 Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị cũng quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp nội dung này.

** Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính:*

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

Sở Tài chính đã chỉnh sửa lại như sau: Chi nước uống phục vụ lớp học: Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

c) Về chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế (điểm f khoản 2 Điều 2)

Mức hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế được dự thảo thảo luận dẫn tới Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Do vậy, để đảm bảo thuận lợi trong tra cứu và áp dụng thống nhất nội dung chi, đề nghị dự thảo chỉ rõ áp dụng quy định cụ thể nào của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND.

*** Ý kiến tiếp thu của Sở Tài chính:**

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

Sở Tài chính đã chỉnh sửa lại như sau: Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ không vượt quá mức chi công tác phí quy định Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí bồi dưỡng được giao.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày văn bản theo đúng quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Trình bày thể thức văn bản theo mẫu số 17 phụ lục I Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Kèm theo Nghị quyết số...; *gạch phân biệt phần phần tên gọi và nội dung quy định*);

- Viết hoa “Quy định” trong tên gọi của Nghị quyết.

*** Ý kiến tiếp thu của Sở Tài chính:**

Nhất trí và tiếp thu với ý kiến của cơ quan thẩm định.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, HCSN.
- (HuyenPTT/21/7/02 bản)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

Vũ Thị Anh Dung

Phụ lục

Bảng tổng hợp ý kiến của các Sở ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và giải trình, tiếp thu của Sở Tài chính

(Kèm theo Công văn số 2897/STC-HCSN ngày 20/7/2021 của Sở Tài chính)




1. Các đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định (18 đơn vị):


TT	Tên cơ quan	Ý kiến tham gia	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
1	Sở Y tế	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
2	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
4	Sở Lao động TB&XH	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
5	Thanh tra tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
6	Sở Khoa học và CN	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
8	Quỹ Phát triển đất	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
9	Sở Giao thông và Vận tải	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
12	Ban QL các khu CN Thái Nguyên	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
13	BQL các CTNN&PTNT	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
14	Hội nông dân	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
15	UBND huyện Phú Bình	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
16	UBND huyện Đồng Hỷ	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
17	UBND thành phố Thái Nguyên	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		
18	UBND thành phố Sông Công	Nhất trí với nội dung dự thảo	x		


1/2

2. Các đơn vị có ý kiến đóng góp đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Quyết định (16 đơn vị)


TT	Tên cơ quan	 Ý kiến tham gia	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
1	Sở Công Thương	<p>- Phân dưới tên Nghị quyết: “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN” đề nghị sửa lại “HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỶ HỌP THỨ...”.</p> <p>- Điều 1, dự thảo Nghị quyết: “Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ...”, đề nghị sửa lại “Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ...”.</p> <p>- Đề nghị xem lại ý b, khoản 1, Điều 2, dự thảo Quy định: “...chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức...” (trong mục đối tượng áp dụng không bao gồm viên chức).</p> <p>- Đề nghị rà soát, thống nhất sử dụng từ viết tắt CBCC trong dự thảo Quy định.</p>	x		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên	<p>Tại khoản 2, Điều 1 quy định đối tượng áp dụng, đề nghị sửa lại như sau: “Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố”.</p>	x		
3	Sở Nội vụ	<p>- Bổ sung đối tượng áp dụng là viên chức vào dự thảo Nghị quyết và bổ sung các nội dung trong NQ đối với đối tượng này.</p>	x		

ly

TT	Tên cơ quan	 Ý kiến tham gia TẠI CHỖ	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	<p>- Tại khoản 2, Điều 1 quy định đối tượng áp dụng, đề nghị sửa lại như sau: "Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, bản, tổ dân phố".</p> <p>- Đề nghị xem lại ý b, khoản 1, Điều 2, dự thảo Quy định: "...<i>chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức...</i>" (trong mục đối tượng áp dụng không bao gồm viên chức).</p>	x		
5	Trường Chính trị tỉnh	Đề nghị thêm một số nội dung: Bổ sung thành phần báo cáo viên là Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh, Ủy viên BTV huyện ủy, thành, thị ủy vào các mức tương ứng cho phù hợp.	x		
6	UBND huyện Phú Lương	<p>- Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn).</p> <p>- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy.</p>	x	x	Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: " <i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i> ". Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.

TT	Tên cơ quan	 Kiến nghị gia TÀI CHÍNH	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
7	UBND thị xã Phổ Yên	Tại điểm 2, mục 2, Điều 2 trong dự thảo nghị quyết đề nghị sửa đổi, bổ sung đối tượng hưởng hỗ trợ cho cụ thể hơn là: <i>Mức hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên: Đối với các học viên là cán bộ công chức, viên chức được hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử đi học, do cơ quan đơn vị cử đi học chi trả; Đối với các học viên là cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, phường, TDP, xóm, ấp không hưởng lương từ ngân sách thì do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chi trả.</i>		x	Sở Tài chính dự thảo mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng cho cả cán bộ công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; Nội dung cơ quan thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ tiền ăn đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính, vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này.
8	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Võ Nhai	- Tại Điều 1, khoản 2, đối tượng áp dụng. Đề nghị có quy định áp dụng đối với đối tượng học viên không hưởng lương từ ngân sách. - Tại Điều 2, khoản 2, điểm a, mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy	x	x	- Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chi bao gồm: <i>"Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn"</i> . Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.
9	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phú Bình	- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy. - Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên bổ sung đối tượng học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và quan tâm đến đối tượng này như những học viên là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường.	x	x	- Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chi bao gồm: <i>"Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn"</i> . Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.



TT	Tên cơ quan		Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
10	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Đồng Hỷ	<p>Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn)</p>		x	Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: “ <i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i> ”. Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Định Hóa	<p>- Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn).</p> <p>- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy.</p>	x	x	Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: “ <i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i> ”. Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.
12	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phú Lương	<p>- Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn).</p> <p>- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy.</p>	x	x	Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: “ <i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i> ”. Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.





TT	Tên cơ quan		Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
13	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phò Yên	<p>- Tại mục 2, Điều 2 trong dự thảo NQ, đề nghị sửa thành: Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước do các cơ sở bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng CBCC, viên chức.</p> <p>- Đề nghị bổ sung đối tượng hưởng hỗ trợ cụ thể hơn: Mức hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên: Đối với học viên là CBCC, viên chức được hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử đi học, do cơ quan đơn vị cử đi học thực hiện chi trả; Đối với các học viên là cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, phường, tổ dân phố; người không hưởng lương từ ngân sách do các cơ sở đào tạo bồi dưỡng chi trả.</p>		<p>x</p> <p>x</p>	<p>Các nội dung chi và mức chi tại khoản 2 Điều 2 của quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết bao gồm cả nội dung chi của cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng CBCC, viên chức chi trả và cơ quan đơn vị cử CBCC, viên chức đi học chi trả nên Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này.</p> <p>- Cơ quan chi trả kinh phí hỗ trợ tiền ăn đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính, vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này.</p> <p>- Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến với đối tượng áp dụng chung là những người không hưởng lương từ ngân sách do: Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chi bao gồm: "<i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i>". Vì vậy nội dung chi và mức chi tại dự thảo Nghị quyết không áp dụng chung cho những người không hưởng lương.</p>

TT	Tên cơ quan	Ý kiến tham gia * SỞ TÀI CHÍNH *	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
14	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Sông Công	<p>- Đối với mức chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian học, cần ghi rõ nguồn sử dụng chi;</p> <p>+ Đối với học viên là CBCC hưởng lương từ ngân sách nhà nước, mức chi cụ thể do thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.</p> <p>+ Đối với các học viên không hưởng lương từ ngân sách được hỗ trợ một phần tiền ăn từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán hàng năm của cơ sở đào tạo bồi dưỡng.</p> <p>- Nên quy định mức chi tiền ăn và chi thù lao giảng viên cụ thể, không quy định mức tối đa.</p>		x	<p>- Cơ quan chi trả kinh phí hỗ trợ tiền ăn đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính, vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này.</p> <p>- Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến với đối tượng áp dụng chung là những người không hưởng lương từ ngân sách do: Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: "<i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i>". Vì vậy nội dung chi và mức chi tại dự thảo Nghị quyết không áp dụng chung cho những người không hưởng lương.</p> <p>- Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương và các cơ quan đơn vị, Sở Tài chính xây dựng mức tối đa để các địa phương và các cơ quan đơn vị chủ động quyết định mức chi phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.</p>
15	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Đại Từ	<p>- Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn).</p> <p>- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện ủy.</p>	x	x	<p>- Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: "<i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i>". Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.</p>



TT	Tên cơ quan	Ý kiến tham gia	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình lý do không tiếp thu
16	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Thái Nguyên	<p>- Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là học viên không hưởng lương từ ngân sách (ngoài những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn).</p> <p>- Đối với mức chi thù lao giảng viên, đề nghị bổ sung Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy.</p>	x	x	<p>- Đối tượng áp dụng của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính đối với những người không hưởng lương từ ngân sách chỉ bao gồm: "<i>Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, xóm, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn</i>". Vì vậy Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến này do không có cơ sở áp dụng.</p>

Số: 288 /BC-STP

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: Nghị quyết ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 09/6/2021 kèm theo Công văn số 2217/STC-HCSN ngày 09 /6/2021 của Sở Tài chính.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định (bổ sung ngày 16/6/2021): đầy đủ.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Phù hợp

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ khoản 5, Điều 8 Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: “5. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trên là đúng thẩm quyền.

2. Căn cứ ban hành

- Không cần thiết sử dụng Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020. Lý do: căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 là đã đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo và xác định về thẩm quyền ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nội dung cụ thể

- Đề nghị nghiên cứu lược bỏ khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: *“Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”* để đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL: *“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”*. Về nguyên tắc xây dựng văn bản pháp luật, nội dung này không cần thiết và không có giá trị về hiệu lực pháp luật.

Về mức chi nước uống phục vụ lớp học (điểm a khoản 2 Điều 2)

Mức chi nước uống phục vụ lớp học, dự thảo viện dẫn Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND chỉ quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Khoản 3 Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị cũng quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp nội dung này.

Về chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế (điểm f khoản 2 Điều 2)

Mức hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế được dự thảo viện dẫn Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Do vậy, để đảm bảo thuận lợi trong tra cứu và áp dụng thống nhất nội dung chi, đề nghị dự thảo chi rõ áp dụng quy định cụ thể nào của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND.

Dự thảo nghị quyết là căn cứ quan trọng để các cơ quan, đơn vị thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh. Do đó cần có sự rà soát, phân tích, đánh giá cụ thể để tham mưu quy định đầy đủ về đối tượng điều chỉnh; tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc chi tiêu tài chính hiện hành.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày văn bản theo h Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Trình bày thể thức văn bản theo mẫu số 17 phụ lục I Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*Kèm theo Nghị quyết số...; gạch phân biệt phần phần tên gọi và nội dung quy định*);

- Viết hoa “Quy định” trong tên gọi của Nghị quyết.

Phần thứ hai KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đề nghị xây dựng văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện thủ tục đề nghị xây dựng văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định 59/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Thái Nguyên, Quyết định 27/2021/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: được thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: đã thực hiện theo quy định.

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 130 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 được sửa đổi bởi Khoản 40 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020.

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tham mưu, đối chiếu các nội dung trình dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Sau khi các nội dung thẩm định, giải trình được thống nhất, làm rõ, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./*tt*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (tham mưu);
- Đ/c Hằng (GD);
- Đ/c Sơn (PGĐ);
- Lưu: VT, XD&KTrVB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 21-06-2021 17:55:53 +07:00

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /BC-STP

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.**

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 09/6/2021 kèm theo Công văn số 2217/STC-HCSN ngày 09 /6/2021 của Sở Tài chính.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định (bổ sung ngày 16/6/2021): đầy đủ.

Phần thứ nhất NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Phù hợp

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ khoản 5, Điều 8 Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: “5. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trên là đúng thẩm quyền.

2. Căn cứ ban hành

- Không cần thiết sử dụng Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020. Lý do: căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 là đã đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo và xác định về thẩm quyền ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nội dung cụ thể

- Đề nghị nghiên cứu lược bỏ khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: “*Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*” để đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”. Về nguyên tắc xây dựng văn bản pháp luật, nội dung này không cần thiết và không có giá trị về hiệu lực pháp luật.

Về mức chi nước uống phục vụ lớp học (điểm a khoản 2 Điều 2)

Mức chi nước uống phục vụ lớp học, dự thảo viện dẫn Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND chỉ quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Khoản 3 Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị cũng quy định mức chi giải khát giữa giờ đối với hội nghị. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp nội dung này.

Về chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế (điểm f khoản 2 Điều 2)

Mức hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế được dự thảo viện dẫn Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Do vậy, để đảm bảo thuận lợi trong tra cứu và áp dụng thống nhất nội dung chi, đề nghị dự thảo chỉ rõ áp dụng quy định cụ thể nào của Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND.

Dự thảo nghị quyết là căn cứ quan trọng để các cơ quan, đơn vị thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh. Do đó cần có sự rà soát, phân tích, đánh giá cụ thể để tham mưu quy định đầy đủ về đối tượng điều chỉnh; tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc chi tiêu tài chính hiện hành.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày văn bản theo h Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Trình bày thể thức văn bản theo mẫu số 17 phụ lục I Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*Kèm theo Nghị quyết số...; gạch phân biệt phần phần tên gọi và nội dung quy định*);

- Viết hoa “Quy định” trong tên gọi của Nghị quyết.

Phần thứ hai

KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đề nghị xây dựng văn bản: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện thủ tục đề nghị xây dựng văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định 59/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Thái Nguyên, Quyết định 27/2021/QĐ-UBND ngày 27/6/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: được thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: đã thực hiện theo quy định.

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 130 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 được sửa đổi bởi Khoản 40 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020.

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tham mưu, đối chiếu các nội dung trình dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Sau khi các nội dung thẩm định, giải trình được thống nhất, làm rõ, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (tham mưu);
- Đ/c Hằng (GD);
- Đ/c Sơn (PGĐ);
- Lưu: VT, XD&KTrVB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn